CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT TECHMASTER	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2026/BCB-TTS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2026*

BẢN CÔNG BỐ
NĂNG LỰC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 1, CHUẨN ĐO LƯỜNG KHÔNG DÙNG TRỰC TIẾP ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Techmaster

Địa chỉ: 175 Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02862662333; Email: info@techmaster.com.vn

1. Công bố năng lực hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với 06 phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo phụ lục đính kèm.

Địa điểm thực hiện hoạt động:

- Tại: 175 Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tại hiện trường.

Công bố lần thứ: **01**

2. Nội dung điều chỉnh khác (nếu có): /.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Techmaster xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết thực hiện trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và duy trì năng lực theo bản công bố này./.

Sở Khoa học và Công nghệ **Thành phố Hồ Chí Minh** **đã tiếp nhận bản công bố**	
TP.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2026	*TP.HCM, ngày 19 tháng 9 năm 2026*
KT. GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**GIÁM ĐỐC**
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	M.S.D.N: 0312951434 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT TECHMASTER P. AN KHÁNH - T.P HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Kỳ	**Hồ Kim Ngân**

Phụ lục

NĂNG LỰC HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 1, CHUẨN ĐO LƯỜNG KHÔNG DÙNG TRỰC TIẾP ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT TECHMASTER

(Kèm theo Bản công bố số: 2026/BCB-TTS ngày 19 tháng 9 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Techmaster)

1. Năng lực hiệu chuẩn:

TT	Tên phương tiện đo/ chuẩn đo lường	Phạm vi đo		Cấp/độ chính xác/ Độ không đảm bảo đo/ Sai số cho phép	Quy trình thực hiện	Ghi chú
1	Quang kế Sol khí	Lưu lượng: Đến 30 L/min		0,39 % giá trị đọc (*)	TTS 04: 2025 Quang kế Sol khí - Quy trình hiệu chuẩn	
		Hàm lượng Sol khí: (10 ÷ 100) µg/L		12 % giá trị đọc (*)		
		Lưu lượng danh định	Đến 2,83 L/min	0,05 L/min (*)		
			Đến 28,3 L/min	0,25 L/min (*)		
			Đến 50 L/min	0,44 L/min (*)		
			Đến 100 L/min	0,84 L/min (*)		
2	Máy đếm hạt tiểu phân trong không khí	Thời gian lấy mẫu: Đến 1 giờ		0,59 giây (*)	TTS 05: 2025 Máy đếm hạt tiểu phân trong không khí - Quy trình hiệu chuẩn	
		Hiệu suất đếm %CE (theo ISO 21501 – 4) Tại 50 %CE; Tại 100 %CE		3,6 % giá trị đọc (*)		
		Sai lệch kích cỡ hạt khi đếm với	0,1 µm	0,004 µm (*)		
			0,125 µm	0,004 µm (*)		

		các hạt có kích thước từ (0,1 ÷ 5,0) µm	0,15 µm	0,006 µm (*)		
			0,2 µm	0,005 µm (*)		
			0,24 µm	0,006 µm (*)		
			0,3 µm	0,006 µm (*)		
			0,5 µm	0,008 µm (*)		
			1,0 µm	0,025 µm (*)		
			2,0 µm	0,018 µm (*)		
			3,0 µm	0,038 µm (*)		
			5,0 µm	0,080 µm (*)		
		Độ phân giải cỡ hạt: (0,15 ÷ 1) µm		5,5 % giá trị đọc (*)		
3	Máy đo nồng độ bụi	Lưu lượng hút: (1 ÷ 5) L/min		0,061 L/min (*)	TTS 06: 2026 Máy đo nồng độ bụi – Quy trình hiệu chuẩn	
		Nồng độ khối lượng: (0,1 ÷ 200) µg/L		10 % giá trị đọc (*)		

2. Năng lực thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/ chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/ Độ không đảm bảo đo/ Sai số cho phép	Quy trình thực hiện	Ghi chú
1	Hệ thống đo các thông số (vận tốc gió vào; vận tốc gió xuống; kiểm tra rò rỉ màng lọc HEPA/ULPA; kiểm tra hướng dòng khí; cường độ ánh sáng; độ	Vận tốc gió vào: (0,01 ÷ 5) m/s	Đến 0,03 m/s (*)	TTS 01: 2025 Tủ an toàn sinh học, tủ sạch – Quy trình thử nghiệm	
		Vận tốc gió xuống: (0,01 ÷ 5) m/s	Đến 0,03 m/s (*)		
		Kiểm tra rò rỉ màng lọc	12 % tương đối (*)		

	ồn; độ rung; cường độ ánh sáng tím UV; đếm hạt phân loại cấp độ sạch) của Tủ an toàn sinh học, Tủ sạch	HEPA/ULPA: Nồng độ Sol khí (5 ÷ 100) µg/L			
		Kiểm tra hướng dòng khí	Đánh giá trực quan mô hình dòng khí		
		Cường độ ánh sáng: (0,1 ÷ 10 000) lx	1,6 % tương đối (*)		
		Độ ồn: (20 ÷ 130) dB	0,2 dB (*)		
		Độ rung: Độ dịch chuyển (0,0002 ÷ 1) mm	Đến 0,0002 mm (*)		
		Cường độ ánh sáng tím UV: (1 ÷ 500) µW/cm^2	3,7 % tương đối (*)		
		Đếm hạt phân loại cấp độ sạch: 0,1; 0,2; 0,3; 0,5; 1,0; 5,0; 10; 25 µm	3,6 % tương đối (*)		
2	Hệ thống đo các thông số (vận tốc gió vào; kiểm tra hướng dòng khí; cường độ ánh sáng; độ ồn) của Tủ hút	Vận tốc gió vào: (0,01 ÷ 5) m/s	Đến 0,03 m/s (*)	TTS 02: 2025 Tủ hút và tương tự – Quy trình thử nghiệm	
		Kiểm tra hướng dòng khí	Đánh giá trực quan mô hình dòng khí		
		Cường độ ánh sáng: (0,1 ÷ 10 000) lx	1,6 % tương đối (*)		
		Độ ồn: (10 ÷ 140) dB	0,2 dB (*)		
3	Hệ thống đo các thông số (đếm hạt phân loại cấp độ sạch; kiểm tra rò rỉ màng lọc HEPA/ULPA; kiểm tra hướng dòng khí; vận tốc dòng khí; lưu lượng	Đếm hạt phân loại cấp độ sạch: 0,1; 0,2; 0,3; 0,5; 1,0; 5,0; 10; 25 µm	3,6 % tương đối (*)	TTS 03: 2025 Phòng sạch và tương tự - Quy trình thử nghiệm	
		Kiểm tra rò rỉ màng lọc HEPA/ULPA: Nồng độ Sol khí (5 ÷ 100) µg/L	12 % tương đối (*)		

	dòng khí; chênh áp không khí; cường độ ánh sáng; độ ồn; thử độ đồng đều nhiệt độ; thử độ đồng đều độ ẩm; trao đổi không khí; độ rung; thử độ thu hồi) của Phòng sạch, Buồng sạch	Kiểm tra hướng dòng khí	Đánh giá trực quan mô hình dòng khí		
		Vận tốc dòng khí: (0,01 ÷ 15) m/s	Đến 0,03 m/s (*)		
		Lưu lượng dòng khí: (40 ÷ 3 500) m^3/h	Đến 1 % (*)		
		Chênh áp không khí: (-2 500 ÷ 2 500) Pa	0,8 Pa (*)		
		Cường độ ánh sáng: (0,1 ÷ 10 000) lx	1,6 % tương đối (*)		
		Độ ồn: (10 ÷ 140) dB	0,2 dB (*)		
		Thử độ đồng đều nhiệt độ: (-20 ÷ 50) °C	0,2 °C (*)		
		Thử độ đồng đều độ ẩm: (30 ÷ 90) %RH	1,6 %RH (*)		
		Trao đổi không khí: (40 ÷ 3 500) m^3/h	Đến 1 % (*)		
		Độ rung: Độ dịch chuyển (0,0002 ÷ 1) mm	Đến 0,0002 mm (*)		
		Thử độ thu hồi: 0,1; 0,2; 0,3; 0,5; 1,0 µm	3,6 % tương đối (*)		

Ghi chú:

(*): Độ không đảm bảo đo